

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU
CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu:

- Tên dự án: Trường Tiểu học An Phong 1 (điểm chính); hạng mục: Xây dựng mới 25 phòng học, 25 phòng chức năng, trang thiết bị và các công trình phụ trợ.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 05: Tư vấn thiết kế xây dựng triển khai sau TKCS.

- Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1, địa chỉ: Số 15 Lê Văn Chánh, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; điện thoại: 0277 3853610

- Nguồn vốn: Vốn xỏ số kiến thiết

- Địa điểm thực hiện: xã An Long, tỉnh Đồng Tháp.

- Loại và cấp công trình chính: Công trình dân dụng, cấp III.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày

- Loại hợp đồng: Trọn gói

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng;

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 2 túi hồ sơ.

- Quy mô đầu tư:

1. Tổng mặt bằng:

Trường Tiểu học An Phong 1 (điểm chính) với diện tích 14.411,67m². Trong đó:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Diện tích khuôn viên trường: 1+2+3	12.270,04	100,00	
1	Diện tích công trình xây dựng	2.801,01	22,83	<40%
1.1	Khối 25 phòng học, 25 phòng chức năng	1.852,36	15,10	
1.2	Khối phòng đa năng	527,65	4,30	
1.3	Nhà xe giáo viên	91,00	0,74	

1.4	Nhà xe học sinh	250,00	2,04	
1.5	Nhà bảo vệ kết hợp nhà chứa máy bơm	18,00	0,15	
1.6	Bể PCCC	54,00	0,44	
1.7	Cột cờ	8,00	0,07	
2	Diện tích cây xanh - thảm cỏ - sân thể thao	4.909,37	40,01	>40%
2.1	Sân thể thao (sân bóng 7 người)	1.334,00	10,87	
2.2	Cây xanh - thảm cỏ	3.575,37	29,14	
3	Diện tích giao thông nội bộ	4.559,66	37,16	>20%
3.1	Sân đan - giao thông nội bộ	3.675,66	29,96	
3.2	Sân chơi	884,00	7,20	
II	Diện tích ngoài khuôn viên trường	2.141,63	100,00	
1	Đường dẫn vào trường - vỉa hè	2.141,63	100,00	
Tổng diện tích quy hoạch: I+II		14.411,67		

2. Công trình dân dụng:

a) Khối 25 phòng học, 25 phòng chức năng (cấp III)

Khung bê tông cốt thép, móng bê tông cốt thép trên nền cọc ép BTCT; nền lát gạch ceramic, nền tam cấp, bậc thang lát đá granite; tường xây gạch không nung, tường trong và ngoài hoàn thiện sơn nước, riêng tường khu vệ sinh ốp gạch ceramic bên dưới, bên trên sơn nước; cửa đi sử dụng khung nhôm kính hệ 1000, cửa sổ sử dụng khung nhôm kính hệ 700; trần bê tông cốt thép, mái lợp tole sóng vuông, xà gồ thép hình

Hệ thống kỹ thuật bên trong công trình, gồm:

- Hệ thống cấp, thoát nước: Cấp nước sử dụng ống PVC cấp đến bồn nước inox đặt trên mái và cung cấp đến các thiết bị dùng nước như bồn cầu, lavabo,...thoát nước mưa (từ mái) sử dụng ống PVC thoát xuống rãnh và các hố ga thu nước xung quanh công trình, riêng thoát nước sinh hoạt (từ xí, tiểu của khu vệ sinh) được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại trước khi thoát ra rãnh thoát nước chung

- Hệ thống điện: Lắp đặt đường dây cấp điện luôn trong ống nhựa, đi ngầm. Các thiết bị sử dụng điện như: Đèn Led, quạt trần, thiết bị đóng ngắt, ...

- Hệ thống phòng cháy và chữa cháy: Bao gồm bể chứa nước chữa cháy. Hệ thống báo cháy tự động (lắp đặt trung tâm báo cháy, đầu báo khói, loa báo...), hệ thống chữa cháy vách tường (đường ống chữa cháy, tủ chữa cháy, vòi chữa cháy, lăng phun), trang bị bình chữa cháy tại các góc cầu thang phục vụ chữa cháy khi đám cháy mới phát sinh

- Hệ thống chống sét: Lắp đặt 01 kim thu sét có bán kính bảo vệ $R_p = 93m$ đặt tại đỉnh mái để bảo vệ toàn bộ mặt bằng công trình

b) Nhà đa năng (cấp IV)

Khối Nhà đa năng, có quy mô 1 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng $450m^2$. Nền nhà (cốt 0.000) cao hơn mặt sân hoàn thiện $0,6m$ và chiều cao toàn bộ nhà là $10,5m$ (so với cote sân đan), chiều cao tầng là $6m$

Vật liệu sử dụng, hoàn thiện chủ yếu: Nền lát gạch ceramic, nền tam cấp, bậc thang lát đá granite; tường xây gạch không nung, tường trong và ngoài hoàn thiện sơn nước, riêng tường khu vệ sinh ốp gạch ceramic bên dưới, bên trên sơn nước; cửa đi sử dụng khung nhôm kính hệ 1000, cửa sổ sử dụng khung nhôm kính hệ 700. Trần bê tông cốt thép, mái lợp tole sóng vuông, xà gồ thép hình

Kết cấu: Khung bê tông cốt thép, móng bê tông cốt thép trên nền cọc ép BTCT

c) Nhà xe học sinh, Nhà xe giáo viên (cấp IV)

Có quy mô 1 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng như sau:

- Nhà xe học sinh có quy mô $225m^2$ được tính toán dựa trên 875 học sinh ($28,5\% \times 875 \times 0,9 = 225m^2$)

- Nhà xe giáo viên có quy mô $112m^2$ được tính toán dựa trên 50 giáo viên và công nhân viên chức ($90\% \times 50 \times 2,5 = 112m^2$)

- Nhà xe có quy mô 01 trệt, kết cấu khung thép chịu lực, nền (cốt 0.000) cao hơn mặt sân hoàn thiện là $0,2m$ và chiều cao toàn bộ nhà là 3.200 so với nền

d) Nhà bảo vệ + nhà chứa máy bơm (cấp IV)

Nhà bảo vệ có quy mô 01 trệt, có vách bao che

Diện tích xây dựng $18,0m^2$ có không gian để máy bơm PCCC và cũng như không gian cho nhân viên bảo vệ sử dụng

Cao trình mặt nền (-0.300) cao hơn mặt sân hoàn thiện $0,30m$ (cote sân -0.600) và chiều cao toàn bộ nhà 4.650 .

đ) Cột cờ

Cột cờ có quy mô bao gồm 1 cột thép cao $8m$ treo cờ và bộ dựng cột cờ hình tròn (đường kính $3m$), cao $0,45m$ chia làm 3 bậc tam cấp, diện tích xây dựng $8m^2$

e) Cổng hàng rào kiên cố song sắt mặt chính

Cổng: Cổng chính rộng 7m dạng cổng lùa 01 cánh; cổng phụ rộng 2,6m dạng cổng 01 cánh mở khung sắt. Bảng tên đặt bên trái cổng chính rộng 3m.

Hàng rào trụ bê tông song sắt kiên cố 2,2m ở mặt chính nhìn từ phía cụm dân cư.

Chiều dài xây dựng 146m.

f) Hàng rào lưới B40

Hàng rào trụ bê tông khung lưới B40 kết hợp trồng cây xanh cao 1,8m ở mặt sau và hai mặt bên của khuôn viên trường học, chiều dài xây dựng 314m.

Tường chắn san lấp (Tường xây gạch dày 200): Tường chắn với khung cột và dầm bê tông cốt thép, tường chắn xây gạch dày 200, móng bê tông cốt thép; chiều cao tường chắn từ mặt đất tự nhiên đến mặt sân đan thiết kế, chiều dài xây dựng 675m.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp IV)

a) Bể chứa cháy: Bể nước được thiết kế với khối tích chứa nước là 60m^3 , đảm bảo chữa cháy trong 2 giờ.

b) Sân đường nội bộ trong rào: Là sân bê tông cốt thép với chiều dày 8cm đảm bảo nhu cầu di chuyển và đường đi cho xe chữa cháy trong khuôn viên trường học, diện tích sân đan $3.675,66\text{m}^2$

c) Sân chơi, bãi tập: Là sân chơi, sân chào cờ. Mặt sân lát gạch Tezzarro $400 \times 400 \times 32$, diện tích 884m^2

d) Xây dựng rãnh thoát nước, hố ga: Rãnh thoát nước và hố ga được bố trí tại xung quanh sân đan có công dụng thoát nước mặt. Đáy và mặt rãnh hố ga bằng bê tông cốt thép, thành rãnh thoát nước, hố ga xây gạch dày 200; chiều dài thiết kế 150m.

đ) Hệ thống cấp nước sinh hoạt, tưới cây: Sử dụng ống PVC phi 42, chiều dài 272m^2 .

e) Hệ thống thoát nước ra cụm dân cư (Cống ly tâm D300): Sử dụng cống ly tâm D300, dùng để thoát nước thải từ công trình đến đường ống thoát nước chung của xã; chiều dài thiết kế 236m.

f) Hệ thống chữa cháy vách tường (ống STK + phụ kiện chữa cháy): Sử dụng ống STK phi từ 60 đến 90 chiều dài thiết kế 290m.

g) Hệ thống chống sét: Hệ thống chống sét dùng kim thu sét chủ động, tạo tia tiên đạo, bán kính kim thu sét bao trùm toàn khu dự án. Bố trí 01 kim thu sét đặt trên mái, cao độ đặt kim cao từ 5 - 6m so với cao độ đỉnh công trình

h) San lấp mặt bằng: Sử dụng vật liệu san lấp là cát với chiều cao san lấp khoảng 1,5m, diện tích san lấp 14.411,76m². Khối lượng cát san lấp khoảng 21.617,51m³

i) Cấp đèn, điện chiếu sáng công cộng: Sử dụng trụ đèn STK h=7m cho trụ đèn chiếu sáng công cộng, chiếu sáng sử dụng vật tư như bóng đèn Led. Chiều dài hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng công cộng là 400,1m

j) Sân bóng đá: Sân bóng đá là sân cỏ diện tích 1.050m²

4. Công trình giao thông (cấp IV)

Mặt đường giao thông (Cấp phối đá dăm, đường 10T): Diện tích thiết kế 1.739,2m²

Via hè (Nền BT đá 1x2, lát gạch vỉa hè): Diện tích thiết kế 402,43m²

5. Công trình công nghiệp (cấp IV)

Lưới hạ thế: Sử dụng cáp ngầm đi âm dưới lòng đất, chiều dài thiết kế 179,1m

Trạm biến áp 22v/0,4kV-160kVA và đường dây trung thế: Là hệ thống cáp ngầm đi âm dưới lòng đất (cáp ngầm chống thấm dọc: 22KV Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC - 3x240mm²) đầu tư 1 trạm

6. Trang thiết bị:

a) Trang thiết bị phòng học

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
I	Khối phòng học tập	Phòng	
1	Phòng học (35 học sinh/lớp)	1 phòng	25
1.1	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi (các cỡ theo Thông tư 26, 01 bàn, 02 ghế)	Bộ	18
1.2	Bảng chống lóa	Cái	1
1.3	Bàn giáo viên	Cái	1
1.4	Ghế giáo viên	Cái	1
1.5	Tủ gỗ kính	Cái	1
2	Phòng bộ môn Âm nhạc	1 phòng	
2.1	Bàn giáo viên	Cái	1

2.2	Ghế giáo viên	Cái	1
2.3	Bảng chống lóa	Cái	1
2.4	Bàn để đàn	Cái	18
2.5	Ghế học sinh	Cái	36
2.6	Tủ gỗ kính	Cái	1
2.7	Kệ	Cái	2
3	Phòng bộ môn Mỹ thuật	1 phòng	
3.1	Bàn giáo viên	Cái	1
3.2	Ghế giáo viên	Cái	1
3.3	Bảng chống lóa	Cái	1
3.4	Tủ gỗ kính	Cái	1
3.5	Giá vẽ	Cái	35
3.6	Ghế ngồi cho học sinh	Cái	35
4	Phòng bộ môn Khoa học - Công nghệ	1 phòng	
4.1	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi (các cỡ theo Thông tư 26, 01 bàn, 02 ghế tựa)	Bộ	18
4.2	Bảng chống lóa	Cái	1
4.3	Bàn giáo viên	Cái	1
4.4	Ghế giáo viên	Cái	1
4.5	Tủ gỗ kính	Cái	1
5	Phòng đa chức năng	1 phòng	2
5.1	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi (các cỡ theo Thông tư 26, 01 bàn, 02 ghế tựa)	Bộ	18
5.2	Bảng chống lóa	Cái	1
5.3	Bàn giáo viên	Cái	1
5.4	Ghế giáo viên	Cái	1
5.5	Tủ gỗ kính	Cái	1
II	Khối phòng hỗ trợ học tập		

1	Thư viện (tùy quy mô từng trường mà số lượng thay đổi cho phù hợp, tối thiểu giáo viên 20 chỗ ngồi, học sinh 35 chỗ ngồi)		
1.1	Bàn giáo viên	Cái	1
1.2	Bàn đọc học sinh (1 bàn 2 học sinh)	Cái	18
1.3	Ghế đọc HS	Cái	36
1.4	Bàn đọc giáo viên (1 bàn 2 người)	Cái	10
1.5	Ghế giáo viên	Cái	21
1.6	Tủ sách (tủ nhôm kính)	Cái	4
1.7	Kệ sách (kệ sắt có lỗ)	Cái	4
1.8	Giá treo	Cái	4
1.9	Tủ thư mục	Cái	1
1.10	Bảng chống lóa	Cái	1
2	Phòng thiết bị giáo dục	1 phòng	
2.1	Kệ sắt có lỗ	Cái	4
2.2	Tủ gỗ kính	Cái	4
2.3	Giá treo	Cái	4
3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1 phòng	
3.1	Bàn khách (8 người)	Cái	1
3.2	Bảng chống lóa	Cái	1
3.3	Bàn giáo viên	Cái	1
3.4	Ghế giáo viên	Cái	9
3.5	Tủ gỗ kính	Cái	1
4	Phòng truyền thống	1 phòng	
4.1	Bảng Focmica	Cái	1
4.2	Bàn lớn văn phòng (10 người)	Cái	1
4.3	Tủ gỗ kính	Cái	4

4.4	Ghế giáo viên	Cái	10
5	Phòng Đội thiếu niên	1 phòng	
5.1	Bảng Focmica	Cái	1
5.2	Bàn lớn văn phòng (10 người)	Cái	1
5.3	Tủ gỗ kính	Cái	2
5.4	Ghế giáo viên	Cái	10
III	Khối phụ trợ		
1	Phòng họp (tùy theo số lượng giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường để trang bị cho phù hợp)	1 phòng	
1.1	Bàn họp (bàn 02 người)	Cái	20
1.2	Ghế tựa	Cái	40
1.3	Bục phát biểu	Cái	1
1.4	Bục để tượng Bác	Cái	1
2	Phòng Y tế	1 phòng	
2.1	Bàn giáo viên	Cái	1
2.2	Ghế giáo viên	Cái	4
2.3	Giường cá nhân y tế	Cái	2
2.4	Tủ thuốc	Cái	1
2.5	Nhà kho		
2.6	Kệ sắt có lỗ	Cái	4
2.7	Tủ gỗ kính	Cái	2
4	Phòng nghỉ giáo viên	1 phòng	2
4.1	Bàn lớn (10 người)	Cái	1
4.2	Ghế giáo viên	Cái	10
5	Phòng giáo viên (tùy theo số lượng giáo viên trang bị cho phù hợp)	1 phòng	
5.1	Bàn họp (02 người) có 51 CBNV	Cái	26

5.2	Ghế giáo viên	Cái	52
IV	Khối hành chính quản trị		
1	Phòng hiệu trưởng + tiếp khách	1 phòng	
1.1	Bàn làm việc lớn	Cái	1
1.2	Ghế tựa	Cái	9
1.3	Bàn khách (8 người)	Cái	1
1.4	Tủ gỗ kính	Cái	1
1.5	Bảng Focmica	Cái	1
2	Phòng phó hiệu trưởng	1 phòng	2
2.1	Bàn làm việc lớn	Cái	1
2.2	Ghế tựa	Cái	9
2.3	Bàn khách (8 người)	Cái	1
2.4	Tủ gỗ kính	Cái	1
2.5	Bảng Focmica	Cái	1
3	Văn phòng	1 phòng	
3.1	Bàn làm việc	Cái	4
3.2	Ghế tựa	Cái	4
3.3	Bảng Focmica	Cái	1
3.4	Tủ gỗ kính	Cái	4
4	Phòng Nhân viên	1 phòng	
	Tủ nhiều ngăn	Cái	1
	Bàn làm việc	Cái	1
	Ghế tựa	Cái	2
5	Phòng Hành chính quản trị	1 phòng	
	Tủ gỗ kính	Cái	1
	Bàn làm việc	Cái	2
	Ghế tựa	Cái	2

4	Phòng các tổ chức Đảng, đoàn thể	1 phòng	
4.1	Bảng Focmica	Cái	1
4.2	Bàn lớn (10 người)	Cái	1
4.3	Tủ gỗ kính	Cái	1
4.4	Ghế giáo viên	Cái	10

b) Trang thiết bị chữa cháy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy bơm động cơ DIESEL; công suất 95kw/130hp; Guồng bơm công suất 50HP-22KW; cột áp H=80m	bộ	2
2	Máy bơm trục đứng bù áp PENTAX u5v-200/72HP (1 pha)	bộ	1
3	Bình bột chữa cháy loại 8kg	bộ	54
4	Cuộn dây cứu hỏa D50 korea, dài 20m	bộ	9
5	Lăng phun D50	bộ	9
6	Máy bơm áp 1HP	cái	1
7	Bộ dụng cụ phá dỡ PCCC	bộ	1

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:

- Lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực hoạt động xây dựng, tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành. Đáp ứng được các nội dung yêu cầu chất lượng, tiến độ của gói thầu.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện:

- Trên cơ sở quy mô và mục đích tuyển chọn nhà thầu như trên, phạm vi công việc cụ thể như sau: Tư vấn thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở các hạng mục công trình theo dự án được duyệt.

- Nguồn vốn: Vốn xổ số kiến thiết

- Tiến độ thực hiện dự án: từ năm 2024 đến năm 2027

- Tên cơ quan thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 1.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn:

2.1. Phạm vi công việc:

- Thiết kế xây dựng (bao gồm cả thuyết minh thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình bảo hành, bảo trì,...).

+ Bố trí nhân sự đúng như cam kết trong E-HSĐT để thực hiện công việc thiết kế;

+ Chỉ định cá nhân, bộ phận trực thuộc tổ chức của mình hoặc thuê tổ chức, cá nhân khác đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công việc kiểm tra nội bộ chất lượng hồ sơ thiết kế;

+ Trình chủ đầu tư hồ sơ thiết kế hoàn chỉnh để thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng; tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo ý kiến của cơ quan thẩm định;

+ Thực hiện điều chỉnh thiết kế theo quy định.

+ Tham gia các cuộc họp có liên quan tới thiết kế tại công trường hoặc giao ban khi được Chủ đầu tư triệu tập trong quá trình xây dựng công trình

+ Thực hiện giám sát tác giả theo quy định;

+ Tham gia nghiệm thu các giai đoạn xây lắp, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình do chủ đầu tư tổ chức.

Và các yêu cầu khác theo nhiệm vụ lập thiết kế và dự toán đã được chủ đầu tư phê duyệt.

2.2. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm:

- Sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình bao gồm: Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ và dự toán xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước về thiết kế xây dựng công trình, các tài liệu liên quan, quy trình bảo trì công trình.

- Phần thuyết minh của sản phẩm thiết kế gồm có các nội dung tính toán và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật kiểm tra các số liệu và làm căn cứ thiết kế; các chỉ dẫn kỹ thuật; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được, phù hợp với E-HSMT của chủ đầu tư đặt ra.

- Bản vẽ phải thể hiện chi tiết các bộ phận của công trình, các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện thi công và lập dự toán xây dựng công trình.

- Dự toán công trình phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ chính sách qui định về lập và quản lý chi phí xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình. Bảng tiên lượng dự toán phải chính xác đầy đủ đúng theo bản

vẽ thiết kế thi công, nếu có khối lượng phát sinh do tính toán sai dẫn đến làm tăng chi phí thì bên thiết kế phải bồi thường 100% chi phí do lập dự toán tính thiếu.

- Nhà thầu phải nêu rõ các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

- Nhà thầu không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

- Số lượng hồ sơ sản phẩm của hợp đồng là 10 bộ và 01 bộ bằng file điện tử đọc được bằng những phần mềm tạo ra sản phẩm đó.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện gói thầu: Tối đa 30 ngày.

- Số lượng các hồ sơ giao nộp: Quy định trong hợp đồng ký kết.

a. Yêu cầu về số lượng hồ sơ:

- Nội dung hồ sơ bao gồm:

- + Báo cáo tổng hợp gồm thuyết minh báo cáo kinh tế kỹ thuật, bản vẽ, dự toán, phụ lục, văn bản pháp lý có liên quan.

- + Đĩa DVD hoặc USB (lưu trữ toàn bộ nội dung nêu trên)

b. Tiến độ thực hiện:

Nhà thầu sẽ đưa ra phương án thực hiện của mình trong đó đề xuất tiến độ thực hiện chi tiết cho mỗi phần công việc tư vấn. Tiến độ thực hiện của nhà thầu được chấp nhận chỉ trong phạm vi tiến độ đặt ra của Chủ đầu tư. Thời gian để thực hiện gói thầu là: 30 ngày. Dự kiến thời gian chuyên gia, kỹ sư của nhà thầu bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: ngay sau khi hợp đồng giữa nhà thầu và Chủ đầu tư có hiệu lực.

Nhà thầu phải đáp ứng tiến độ chi tiết cũng như các lần báo cáo cụ thể như sau:

- Nhà thầu tư vấn phải hoàn thành toàn bộ công việc thiết kế, báo cáo và trình chủ đầu tư kiểm tra lần 1 trong vòng 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Nhà thầu tư vấn phải hoàn thành chỉnh sửa và báo cáo theo yêu cầu chủ đầu tư sau 03 ngày kể từ ngày chủ đầu tư có ý kiến yêu cầu chỉnh sửa lần 1.

- Nhà thầu tư vấn phải hoàn thành chỉnh sửa và báo cáo theo yêu cầu thẩm tra sau 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu chỉnh sửa theo thẩm tra từ chủ đầu tư.

- Nhà thầu tư vấn phải hoàn thành toàn bộ chỉnh sửa và báo cáo theo yêu cầu thẩm định tối đa 07 ngày kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

- Trường hợp sau khi yêu cầu chỉnh sửa của các đợt kiểm tra theo tiến độ trên nhưng nhà thầu vẫn không đáp ứng yêu cầu chủ đầu tư sẽ ra văn bản nhắc nhở và nhà thầu sẽ có thêm tối đa 2 ngày để hoàn thiện nhưng tổng thời gian không được ảnh hưởng tới thời gian thực hiện hợp đồng. (Trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu chỉnh sửa và bị chủ đầu tư nhắc nhở 2 lần mà không khắc phục sẽ bị xem xét chấm dứt hợp đồng).

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Năng lực kinh nghiệm và nhân sự theo yêu cầu tại Mục E-CDNT 10.3 Chương II và Chương III thuộc E-HSMT.

V. Trách nhiệm của nhà thầu:

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) trong giá dự thầu, thuế suất thuế giá trị gia tăng cho gói thầu này là 8% (theo đúng cơ cấu chi phí gói thầu được duyệt). Trong quá trình thực hiện hợp đồng trường hợp quy định của pháp luật có thay đổi về thuế, phí thì các bên tiến hành điều chỉnh thuế, phí theo các quy định hiện hành của pháp luật.

- Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế do lỗi của nhà thầu gây ra (cụ thể là các sai sót trong thiết kế, dự toán gây ảnh hưởng tới chất lượng công trình cũng như phát sinh chi phí hay gây thiệt hại cho nhà nước).

- Khi có cơ quan chức năng hoặc thanh tra, kiểm toán phát hiện ra sai sót trong quá trình thiết kế và lập dự toán dẫn đến phát sinh chi phí xử lý sai sót thì nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm 100% cho phần chi phí để khắc phục, bồi thường do sai sót do lỗi của nhà thầu.

- Trong quá trình triển khai thi công nếu có xử lý thiết kế bổ sung hạng mục mà đơn vị tư vấn thiết kế chậm hoặc không thực hiện thì chủ đầu tư sẽ ra văn bản nhắc nhở nhà thầu thực hiện. Sau lần nhắc nhở thứ 2, nếu nhà thầu vẫn chậm tiến độ hoặc không thực hiện thì chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng và nhà thầu sẽ bị phạt toàn bộ phần chi phí giữ lại cho công tác giám sát tác giả theo quy định tại mục E-ĐKC 10 thuộc chương VII Điều kiện cụ thể hợp đồng. Đồng thời chủ đầu tư sẽ công bố tên nhà thầu trên danh sách vi phạm hợp đồng trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

VI. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Hỗ trợ những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Cử cán bộ phối hợp với nhà thầu khi nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.